

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HC-ST.
Ngày: 23 và 29/3/2021.
*V/v: Khiếu kiện các Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nha

Bà Trần Thị Thu Hạnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Trương Việt Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 và ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 77/2020/TLST-HC ngày 31 tháng 3 năm 2020 khiếu kiện yêu cầu hủy: Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết, Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết khiếu nại lần 1. Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/QĐXX-ST ngày 05/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HC ngày 16/03/2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông N.M.T, sinh năm 1947; (Có mặt)

Địa chỉ: TDP Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phan Hào (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn Ngọc (Có mặt)

Cùng địa chỉ: TDP Trung 6, phường Tây Tựu, quận B.T.L, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: 1. Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; (Vắng mặt)
Trụ sở: Số 79 phố Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2. UBND quận B.T.L, thành phố Hà Nội;
3. Chủ tịch UBND quận B.T.L, thành phố Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông L.N.H – chức vụ: Chủ tịch UBND quận B.T.L.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

Trụ sở : Tòa nhà CT6A, Khu đô thị Kiều Mai, đường Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận B.T.L, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận B.T.L: Ông Nguyễn Quang Thái – Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất UBND quận B.T.L. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường L.M;
Đại diện theo ủy quyền là ông Đ.M.H – phó chủ tịch (Vắng mặt)
2. Hợp tác xã Y.N:
Đại diện theo pháp luật: Ông N.V.C – Chức vụ giám đốc (có mặt)
Trụ sở : Số 101/1 đường L.M, phường L.M, quận B.T.L, TP Hà Nội.
3. Bà Nguyễn Thị Tân, sinh năm 1953; (Vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thị Thanh Mão, sinh năm 1974; (Vắng mặt)
5. Chị Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1977(Vắng mặt)
6. Chị Nguyễn Thị Hường, sinh năm 1988.(Vắng mặt)
Địa chỉ: TDP Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông N.M.T trình bày: Năm 1981 gia đình ông T được Hợp tác xã Y.N giao diện tích đất nông nghiệp để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Y.N) với diện tích 1.610m². Năm 2001 gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.226 m² bao gồm: Thửa đất số 163, tờ bản đồ 15, diện tích 339m² ; Thửa đất 43, tờ bản đồ 15, diện tích 401m²; Thửa đất 415, tờ bản đồ 15, diện tích 486m². Diện tích còn lại 384 m² đất nông nghiệp gồm (Thửa đất số 107, tờ bản đồ 20, diện tích 192m² ; Thửa đất 107, tờ bản đồ 20, diện tích 192m²) cũng được giao từ năm 1981 nhưng gia đình ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình ông sử dụng ổn định từ khi giao nhận khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 1315/QĐ-UBND thu hồi 384m² đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội trên địa bàn phường L.M và Quyết định số 1386/QĐ –UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông. Sau đó gia đình ông đã khiếu nại lên UBND quận B.T.L, Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại, giữ nguyên các quyết định.

Sau khi gia đình ông nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3084/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B.T.L gia đình ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 08/10/2019 gia đình ông đã nhận được Quyết định số 5623/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố nên ông đã khởi kiện đến Tòa án.

Quan điểm của ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử: Hủy các quyết định giải quyết khiếu nại và QĐ số 1386. Buộc UBND quận B.T.L bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Quan điểm Người bị kiện là UBND và Chủ tịch quận B.T.L:

Ngày 22/6/2015, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã ban hành thông báo số 64/TB-HĐBTHT&TĐC về việc niêm yết công khai lấy ý kiến đối với 74 dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng khu công nghệ cao sinh học, trong đó có hộ gia đình ông N.M.T .

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 1315/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội với nội dung: *“Thu hồi 384m² đất nông nghiệp không giao do UBND phường L.M quản lý (thuộc thửa 107, tờ bản đồ 20, diện tích 192m² và thửa 107, tờ bản đồ 20, diện tích 192m², bản đồ đo năm 1994 phường L.M) hiện hộ gia đình ông N.M.T hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L đang sử dụng trước ngày 01/7/2004”*.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 1386/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.M.T tại dự án với nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất, cây trồng, vật nuôi và các công trình trên đất.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 143.746.236 đồng, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 77.414.400 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 49.764.000 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ công trình: 16.567.836 đồng (Trong đó: công trình xây dựng trước 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá, công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 10% đơn giá).

Việc giải quyết khiếu nại:

UBND quận B.T.L nhận được đơn của ông N.M.T, địa chỉ: TDP Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L về việc khiếu nại Quyết định số 1315/QĐ-UBND và Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.M.T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L.

Ngày 30/5/2016, UBND quận B.T.L ban hành Thông báo số 786/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông N.M.T.

Ngày 30/5/2016, Chủ tịch UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 2137/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 3084/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N.M.T, địa chỉ: Tổ dân phố Y.N, phường L.M, quận B.T.L (lần đầu).

Theo đó, Chủ tịch UBND quận B.T.L giải quyết khiếu nại theo hướng:

“- Giữ nguyên Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông N.M.T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L.

- Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông N.M.T) theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.”

Ông N.M.T không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B.T.L tại Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 và tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 08/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông N.M.T, địa chỉ: Tổ dân phố Y.N 1, phường L.M, quận B.T.L (lần hai).

Theo đó, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại theo hướng: *“Đồng ý Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông N.M.T liên quan đến việc không áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông*

nghiệp) đối với 384m² (gồm 192m² thuộc thửa số 107, tờ bản đồ 20 và 192m² thuộc thửa số 107, tờ bản đồ 20) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại phường L.M, quận B.T.L”.

Đến nay UBND quận B.T.L chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án BTHT cho hộ gia đình ông N.M.T theo Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L do dự án Xây dựng công nghệ cao sinh học chưa được gia hạn triển khai thực hiện dự án và chưa được ứng vốn nên chủ đầu tư chưa có cơ sở thực hiện.

Quan điểm của UBND quận B.T.L và Chủ tịch UBND Quận

Diện tích 384m² đất do hộ gia đình ông N.M.T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1315/QĐ-UBND về việc thu hồi 384m² đất nông nghiệp không giao và Quyết định số 1386/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông N.M.T đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông N.M.T tại dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định pháp luật và từ những phân tích, tổng hợp nêu trên cũng như người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản không cung cấp thêm bất cứ giấy tờ, tài liệu nào khác. Do vậy, UBND quận B.T.L và Chủ tịch UBND quận B.T.L giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình ông N.M.T, địa chỉ Tổ dân phố Y.N, phường L.M, B.T.L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L.M, quận B.T.L.

Quan điểm của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội:

Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông N.M.T. Chủ tịch UBND thành phố khẳng định nội dung Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông N.M.T là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quan điểm:

* *Quan điểm của UBND phường L.M:*

- Trên cơ sở phương án giao đất nông nghiệp tổng thể đã được các cấp phê duyệt, UBND xã L.M (nay là Phường L.M) lập phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho

từng hộ gia đình, cá nhân, theo từng Hợp tác xã. Đối với HTX Y.N giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân tính theo bình quân nhân khẩu trong hộ là 258 m²/khẩu.

- Khi thực hiện việc giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân không được đưa vào trong phương án giao đất chi tiết để cân đối giao cho các hộ gia đình, cá nhân.

- Về hiện trạng diện tích đất bị thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân:

Hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất để trồng rau, hành, hoa hồng, hoa cúc và cau vua.

- Khi xác nhận nguồn gốc đất cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới GPMB dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội, UBND phường L.M căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu tại UBND phường (Bản đồ và sổ mục kê đất năm 1994, Phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ lập năm 1999 và hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng).

**Quan điểm của Hợp tác xã Y.N:*

Căn cứ hồ sơ tài liệu còn lưu giữ tại HTX Y.N về việc quản lý sử dụng diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình cá nhân trong HTX Hợp tác xã Y.N có ý kiến như sau:

Hộ gia đình ông T được HTX Y.N giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu Sống cao từ thời điểm khoán 100 năm 1981 theo chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về việc cải tiến hình thức giao khoán mở rộng đến từng hộ gia đình cá nhân. Tại thời điểm giao đất không có biên bản giao bằng giấy mà giao bằng miệng trực tiếp tại hiện trường và quản lý theo phương án thu sản phẩm một năm hai vụ của hợp tác xã, tuy nhiên do thời gian lâu ngày lên phương án thời điểm đó bị mỗi một xông không còn lưu trữ được. Đến năm 1988, khi thực hiện hình thức khoán 10 theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thì diện tích sản xuất của hộ gia đình ông T vẫn không thay đổi mà chỉ thay đổi sản lượng giao khoán. Năm 1994, khi lập bản đồ hiện trạng diện tích khu Sống cao của hộ ông T được ghi số thửa 107, tờ bản đồ 20, diện tích 384 m².

Năm 1999, khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ thì địa phương (hội đồng giao đất xã) chỉ lập phương án cân đối trên giấy tờ chứ không giữ ra giao lại trong đó chỉ cân đối đất lúa hai vụ còn đất trồng màu gồm khu Sống cao và đất bãi ngoài đê trung ương giữ nguyên không đưa vào cân đối. Chính vì vậy toàn bộ diện tích các hộ đang sử dụng gần như không có xáo trộn gì và hầu như người dân không quan tâm đến việc có được cấp giấy chứng nhận hay không vì họ vẫn sản xuất ổn định bình thường, vẫn giao nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX từ năm 1981 đến nay.

Vì vậy, HTX Y.N xác nhận hộ ông T vẫn sản xuất ổn định trên tổng diện tích được giao từ năm 1981 trong đó có phần diện tích khu sống cao thuộc thửa số 107 tờ

bản đồ 20 hiện đang thuộc vị trí thu hồi thực hiện dự án khu Công nghệ cao sinh học Hà Nội. Thực hiện đóng, nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước và HTX từ năm 1981 đến nay.

* Quan điểm của bà Nguyễn Thị Tân, Chị Mão, chị Hòa, chị Hường cùng nhất trí với quan điểm của ông N.M.T

Tại phiên tòa: Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc UBND quận B.T.L bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần; hỗ trợ ổn định đời sống; Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng phục vụ sản xuất cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Đại diện Hợp tác xã Y.N trình bày gia đình ông T được HTX Y.N giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu Sống cao từ thời điểm khoán 100 năm 1981 tuy nhiên đến nay không còn lưu giữ tài liệu.

Đối với diện tích khu Sống cao của gia đình ông T không đưa vào giao theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ căn cứ vào nghị quyết Đại hội HTX dịch vụ thôn Y.N.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử tại phiên tòa: đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 55, 56, 57, 58, việc ủy quyền tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật TTHC.

Căn cứ Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật TTHC, Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.M.T

Về án phí: Do đơn khởi kiện không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí HCST. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi căn cứ Nghị quyết ông T được miễn án phí Hành chính sơ thẩm trong trường hợp có đơn xin miễn giảm án phí.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

*** Về tố tụng**

[1] Về thẩm của Tòa án: Việc ông N.M.T có đơn khởi kiện đề nghị Hủy Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ

tịch UBND quận B.T.L về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Chủ tịch thành phố Hà Nội. Đây là quyết định Hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 157 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử vắng mặt.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19/11/2019 ông T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với yêu cầu Hủy Quyết định hành chính số 5623/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về giải quyết khiếu nại lần 2; Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 11/4/2016, Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016. Như vậy việc khởi kiện của ông T xác định trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung

[4] Xét các quyết định bị khiếu kiện:

* Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định:

Ngày 11/4/2016, UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 1315/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nông nghiệp 384m² hiện do gia đình ông T đang sử dụng; Quyết định số 1386/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và điểm a khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B.T.L ban hành Quyết định số 3084/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu.

Ngày 08/10/2019 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 17, 18 Luật Khiếu nại 2011; Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015;

* Về nội dung các quyết định

+ Đối với Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về thu hồi diện tích 384m² đất nông nghiệp; Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B.T.L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cụ thể:

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 143.746.236 đồng, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 77.414.400 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 49.764.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ công trình: 16.567.836 đồng (Trong đó: công trình xây dựng trước 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá, công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 10% đơn giá).

Nhận thấy nguồn gốc đất: Thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, hộ gia đình ông T được giao theo phương án là $774m^2$ đất nông nghiệp (gồm 3 nhân khẩu $\times 258m^2 = 774m^2$), hiện tại hộ gia đình ông T đang sử dụng $1.610m^2$ và đã được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích $1.226 m^2$ đất nông nghiệp. Việc này gia đình ông T không có ý kiến gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nông nghiệp được giao.

Đối với diện tích $384m^2$ đất nông nghiệp hiện gia đình ông T đang sử dụng tại khu Sóng Cao, gồm thửa đất số 107, tờ bản đồ 20, diện tích $192m^2$; Thửa đất 107(1), tờ bản đồ 20, diện tích $192m^2$) bị thu hồi không nằm trong hạn mức giao đất theo Nghị định 64/CP. Việc này được nghị nhận tại đại hội Hợp tác xã Y.N đã có sự thống nhất tại hội nghị theo Nghị Quyết ngày 06/6/1999 không kê khai đất nông nghiệp tại khu Sóng Cao để cân đối giao đất theo Nghị định 64/Cp.

Ông T và quan điểm của ông Chủ nhiệm Hợp tác xã cho rằng diện tích đất thu hồi là đất nông nghiệp được giao theo khoán 100 từ năm 1981 nhưng không có tài liệu, căn cứ khẳng định đã được giao khoán. Do đó, xác định diện tích $384m^2$ đất hộ gia đình ông T đang sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp bị thu hồi để thực hiện dự án khu công nghệ cao sinh học không nằm trong hạn mức giao đất theo Nghị định 64/CP mà thuộc quỹ đất nông nghiệp không giao do UBND phường L.M quản lý.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, UBND quận B.T.L không bồi thường hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ gia đình ông T là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định số 1386/QĐ-UBND của UBND quận B.T.L.

Việc ông T và UBND phường L.M trình bày có một số hộ đã được chấp nhận bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm năm 2017, tuy nhiên Tòa án nhân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định giám đốc thẩm năm 2020 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Thực tế hộ gia đình ông T bị thu hồi đất nông nghiệp vào năm 2016 nên không được áp dụng Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có*

hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình ông T không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp.

Đối với yêu cầu của hộ gia đình ông N.M.T về việc bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc này đã được xem xét giải quyết tại Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cụ thể *“Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông N.M.T theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.”*

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông T về việc bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp đã được Chủ tịch ủy ban nhân dân quận B.T.L xem xét tại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, đã đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện. Tuy nhiên đến nay UBND quận vẫn chưa phê duyệt phương án bổ sung nên HĐXX kiến nghị UBND thực hiện theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

+ Đối với Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B.T.L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Chủ tịch UBND TP Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Chủ tịch UBND quận B.T.L đã ban hành Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND là ngày 08/10/2019 về giải quyết khiếu nại lần hai, đối với ông N.M.T là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai và buộc UBND quận B.T.L bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần; hỗ trợ ổn định đời sống; Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng phục vụ sản xuất với tổng số tiền **469.547.332 đồng** cho gia đình ông theo quy định của pháp luật là không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Về án phí: Do đơn khởi kiện không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí HCST. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí Hành chính sơ thẩm cho ông N.M.T.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông N.M.T về việc yêu cầu hủy các quyết định:
 - Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B.T.L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ;
 - Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.T.L về giải quyết khiếu nại lần đầu.
 - Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về giải quyết khiếu nại lần hai.
 - Bác yêu cầu về việc buộc UBND quận B.T.L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông số tiền 469.547.332 đồng.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Miễn án phí Hành chính sơ thẩm cho ông N.M.T.

3. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA

Phạm Thị Mai

